



# Confucius Institute for Business London, LSE

## Transportation

By Li Man





# 交(jiāo)通(tōng)工(gōng)具(jù)

□ 地(dì)铁(tiě)

地(dì)铁(tiě)站(zhàn)



□ 公(gōng)共(gòng)汽(qì)车(chē)

公(gōng)共(gòng)汽(qì)车(chē)站(zhàn)



□ 飞(fēi)机(jī)

飞(fēi)机(jī)场(chǎng)



# 交(jiāo)通(tōng)工(gōng)具(jù)

- 火(huǒ)车(chē)  
火(huǒ)车(chē)站(zhàn)
- 船(chuán)  
码(mǎ)头(tóu)
- 汽(qì)车(chē)





# To Take & To Drive

□ 坐(zuò)

□ 开(kāi)



□ 红(hóng)绿(lǜ)灯(dēng)



□ 人(rén)行(xíng)横(héng)道(dào)



□ 十(shí)字(zì)路(lù)口(kǒu)



□ 丁(dīng)字(zì)路(lù)口(kǒu)



# 怎(zěnn)么(me)走(zǒu)-How to get to...?

□ 直(zhí)走(zǒu)



□ 过(guò)马(mǎ)路(lù)



□ 往(wǎng)左(zuǒ)拐(guǎi)



# 怎(zěnn)么(me)走(zǒu)-How to get to...?

□ 往(wǎng)右(yòu)拐(guǎi)

□ 掉(diào)头(tóu)



□ 到(dào)了(le), 请(qǐng)停(tíng)车(chē)



□ 发(fā)票(piào)



□ 公(gōng)交(jiāo)卡(kǎ)



# 地(dì)铁(tiě)图(tú)



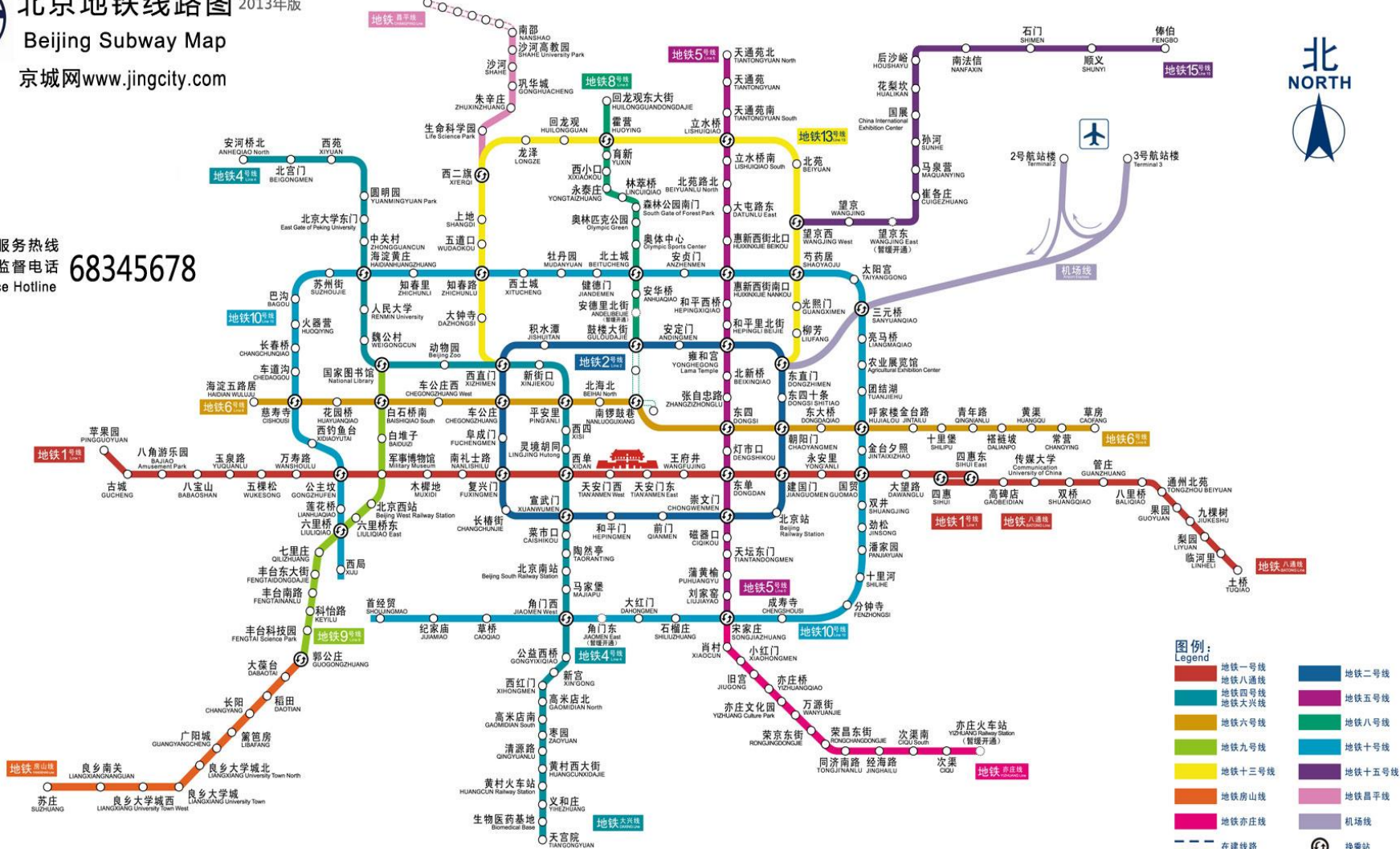
北京地铁线路图 2013年版

Beijing Subway Map

京城网www.jingcity.com

地铁服务热线  
社会监督电话  
Service Hotline

68345678



# 地(dì)铁(tiě)图(tú)

huànréngzhàn

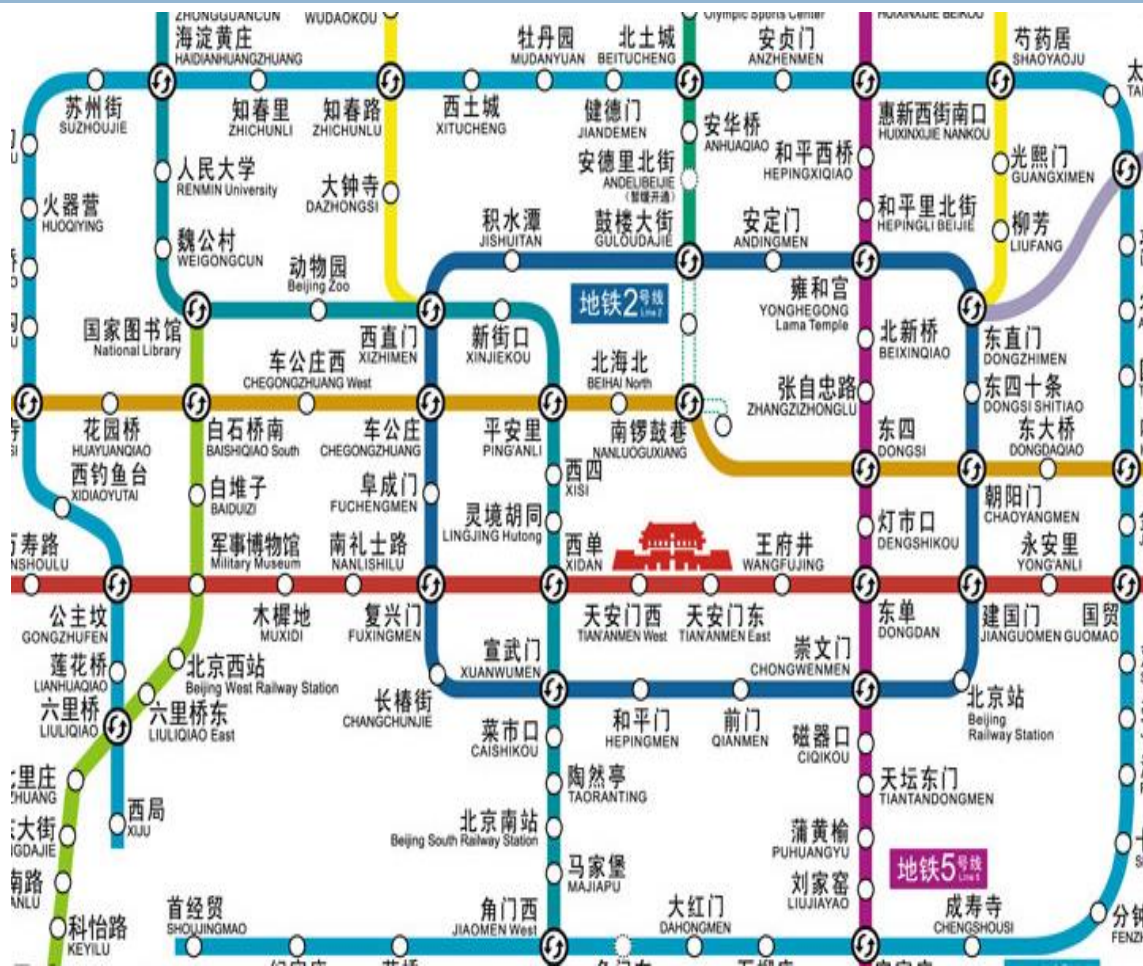
换乘站

shàngchē shàng dì tiě

上车 / 上地铁

xiàchē xià dì tiě

下车 / 下地铁



从(cóng)A到(dào) B怎(zěnn)么(me)走(zǒu)?

cóng tiān ān mén dào běi jīng huǒ chē zhàn zěn me zǒu

从天安门到北京火车站怎么走?

zài tiān ān mén dōng shàng chē zuò yī hào xiàn

在天安门东上车，坐一号线。

zài jiàn guó mén huàn chéng èr hào xiàn

在建国门换乘二号线。

zài běi jīng zhàn xià chē

在北京站下车。





# Thank you!

xiè xiè

谢谢



Contact: 020 7955 6253

Email: [confucius.business@lse.ac.uk](mailto:confucius.business@lse.ac.uk)